

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CT
TỈNH TIỀN GIANG**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **76/2019/DS-ST**

Ngày: 23/4/2019

V/v tranh chấp “Hợp đồng gia công”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CT-TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông **Bùi Anh Tuấn**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Nghĩa

2. Ông Nguyễn Văn Y

- T ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Thành Phục** – T ký Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện CT tham gia phiên tòa: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 23 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CT xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số **76/2019/TLST-DS** ngày 21/02/2019 về việc tranh chấp: “Hợp đồng gia công”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số **23/2019/QĐXXST-DS** ngày 08/4/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Trần Nguyễn Huỳnh N**, sinh năm 1991. Địa chỉ: Ấp M, xã LĐ, huyện CT, Tiền Giang (Có mặt).

2. Bị đơn: **Nguyễn Ngọc T**, sinh năm 1999. Địa chỉ: Ấp M, xã LĐ, huyện CT, Tiền Giang (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Trần Nguyễn Huỳnh N trình bày:*

Chị và T có ký kết 3 hợp đồng gia công chuỗi hạt, nội dung là chị sẽ nhận hạt và đặt cọc tiền hạt để gia công khâu chuỗi hạt và giao lại sản phẩm trong hạn 7 ngày. Cụ thể như sau

- Ngày 04/12/2018 nhận 20 kg hạt và đặt cọc 20.000.000 đồng, giá tiền công là 7.000.000 đồng.

- Ngày 07/12/2018 nhận 30 kg hạt và đặt cọc 12.000.000 đồng, giá tiền công là 3.900.000 đồng.

- Ngày 31/12/2018 nhận 50 kg hạt và đặt cọc 20.000.000 đồng, giá tiền công là 7.500.000 đồng.

Ngoài ra có nhận thêm 2.000.000 đồng tiền cọc hạt màu và tiền công là 1.250.000 đồng nhưng không làm hợp đồng. Tổng số tiền đặt cọc là 54.000.000 đồng và tiền gia công là 19.650.000 đồng, tổng cộng giá trị cọc và tiền công là 73.650.000 đồng.

Chị đã làm hoàn thành xong số hàng hạt chuỗi giao hàng đúng thời hạn, nhưng chị T không thanh toán tiền. Ngày 28/12/2018, chị đã đến đòi nhưng chị T đã xin khất nợ đến ngày 10/01/2019 sẽ hoàn trả cho tôi đầy đủ số tiền cọc và tiền công nhưng sau đó chị T chỉ trả được 10.000.000 đồng. Chị có đồng ý cho T trả vốn trước, lãi trả sau, nên trong thời gian khởi kiện chị T có trả chị 10.000.000 đồng vốn cọc.

Nay chị yêu cầu chị T phải trả cho chị tiếp số tiền đặt cọc và tiền gia công tổng cộng là 63.650.000 đồng. Cho trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng đối với số tiền công là 19.650.000 đồng, thực hiện ngay khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi hết nợ.

** Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay bị đơn là chị Nguyễn Ngọc T trình bày:*

Vào năm 2018 giữa chị và chị Trần Nguyễn Huỳnh N có giao kết hợp đồng gia công. Chị sẽ giao sản phẩm là chuỗi hạt dây cho chị N để chị N tiến hành kết chuỗi hạt và giao lại sản phẩm trong hạn 07 ngày, tiền công từ 130.000 đồng – 150.000 đồng. Khi nhận hạt phải đặt cọc 01 khoản tiền, Cụ thể như sau:

- Ngày 04/12/2018, chị giao hạt đen, đặt tiền cọc là 20.000.000 đồng, tiền công là 7.500.000 đồng. Hợp đồng này đã giao đủ sản phẩm nhưng chưa thanh toán tiền.

- Tương tự hợp đồng thứ 2, chị giao hạt đen, đặt tiền cọc là 13.000.000 đồng, tiền công là 3.900.000 đồng. Hợp đồng này đã giao đủ sản phẩm nhưng chưa thanh toán tiền.

- Tương tự hợp đồng thứ 3, chị giao hạt đen, đặt tiền cọc là 20.000.000 đồng, tiền công là 7.500.000 đồng. Hợp đồng này đã giao đủ sản phẩm nhưng chưa thanh toán tiền.

Đến tháng 01 năm 2019 tôi có xin trả vốn là 52.000.000 đồng và 2.000.000

đồng của phần hạt màu không có ghi trong hợp đồng và đưa cho chị N 5.000.000 đồng nên còn lại 49.000.000 đồng. Nay tôi xin không trả tiền công là 19.650.000đồng, xin tiếp tục trả vốn cọc là 44.000.000 đồng, trả dần mỗi tháng 500.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Xác định đây là quan hệ tranh chấp “Hợp đồng gia công” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo qui định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Theo khai nhận của các đương sự đủ cơ sở xác định giữa chị N và chị T có xác lập hợp đồng gia công, chị N là bên nhận gia công, chị T là đặt gia công. Hai bên đã xác lập 4 hợp đồng, trong đó có 3 hợp đồng lập thành văn bản. Theo nội dung hợp đồng thì chị N sẽ đặt cọc nhận hạt từ chị T để xâu chuỗi hạt và giao lại sản phẩm cho chị T trong hạn 7 ngày. Sau khi giao sản phẩm chị T sẽ trả tiền cọc và tiền công cho chị N. Từ ngày 21/11/2018 đến ngày 31/12/2018 chị N đã nhận sản phẩm và đặt cọc 54.000.000 đồng, tiền gia công là 19.650.000 đồng. Chị N đã thực hiện xong sản phẩm và giao hàng cho chị T. Tuy nhiên chị T không trả tiền đúng thỏa thuận, đến nay chỉ trả được 10.000.000 đồng, còn nợ lại 44.000.000 đồng tiền đặt cọc và tiền gia công là 19.650.000 đồng. Theo nội dung hợp đồng thì chị T sẽ trả tiền công và tiền cọc cho chị N khi nhận lại sản phẩm. Do đó yêu cầu của chị N yêu cầu chị T trả 63.650.000 đồng (Tiền đặt cọc 44.000.000 đồng, tiền gia công là 19.650.000 đồng) là có cơ sở chấp nhận.

Về ý kiến của chị T xin trả vốn và trả dần mỗi tháng 500.000 đồng, không được chị N đồng ý nên không chấp nhận ý kiến này. Về khoản tiền công 19.650.000đồng, chị N cho trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng là có lợi cho chị T nên được chấp nhận.,

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 542, 543, 547, 552 Bộ luật Dân sự 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

- Buộc chị Nguyễn Ngọc T trả cho chị Trần Nguyễn Huỳnh N tiền đặt cọc là 44.000.000 đồng, thực hiện ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

- Buộc chị Nguyễn Ngọc T trả cho chị Trần Nguyễn Huỳnh N số tiền công là 19.650.000 đồng, mỗi tháng trả 1.000.000 đồng ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi hết nợ.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn không trả khoản tiền nêu trên thì hàng tháng bị đơn còn phải trả thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T phải chịu 3.182.500 đồng án phí. Hoàn lại cho chị N 1.841.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0009353 ngày 20/02/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện CT.

3. Quyền kháng cáo:

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện CT;
- Chi cục THADS H. CT;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Anh Tuấn

Hội Thẩm nhân dân

Chủ tọa

Nguyễn Văn Y – Lê Văn Nghĩa

Bùi Anh Tuấn

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN CT Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
TỈNH TIỀN GIANG

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CT TỈNH TIỀN GIANG

Vào hồi.....giờ ngàytháng năm 201....., tại phòng nghị án,

Với Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông **Bùi Anh Tuấn**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Nghĩa

2. Ông Nguyễn Văn Y

Tiến hành nghị án vụ án thụ lý số **76/2019/TLST-DS** ngày 21/02/2019 về việc tranh chấp: “Hợp đồng gia công”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số **23/2019/QĐST-DS** ngày 08/4/2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Trần Nguyễn Huỳnh N**, sinh năm 1991. Địa chỉ: Ấp M, xã LĐ, huyện CT, Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* **Nguyễn Ngọc T**, sinh năm 1999. Địa chỉ: Ấp M, xã LĐ, huyện CT, Tiền Giang

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc hỏi tại phiên tòa, các qui định pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT
ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

1. Về Quan hệ pháp luật tranh chấp:

Kết quả biểu quyết: 3/3 (Đạt 100%).

2. Điều luật áp dụng:

Căn cứ vào các Điều 542, 543, 547, 552 Bộ luật Dân sự 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Tờng vụ Quốc hội.

Kết quả biểu quyết: 3/3 (100%).

3. Về nội dung:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Buộc chị Nguyễn Ngọc T trả cho chị Nguyễn Huỳnh Như tiền đặt cọc là 44.000.000đồng, thực hiện ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Buộc chị Nguyễn Ngọc T trả cho chị Nguyễn Huỳnh Như số tiền công là 19.650.000đồng, mỗi tháng trả 1.000.000đồng ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi hết nợ.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn không trả khoản tiền nêu trên thì hàng tháng bị đơn còn phải trả thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T phải chịu 3.182.500 đồng án phí. Hoàn lại cho chị N 1.841.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0009353 ngày 20/02/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện CT.

3. Quyền kháng cáo:

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Kết quả biểu quyết 3/3(100%).

Biên bản kết thúcgiờ.... cùng ngày, có đọc lại cho các thành viên Hội đồng xét xử nghe và đồng ý ký tên

Hội Thẩm nhân dân

Chủ tọa

Nguyễn Văn Y – Nguyễn Hoàng Lợi

Bùi Anh Tuấn